

Bản án số 190/2022/HS-PT

Ngày 06/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Phước Thanh, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLPT-HS ngày 10/01/2022 do bị hại kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15601/2022/QĐXXPT-HS ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với:

Bị cáo Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1992, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nhân viên ngân hàng; trình độ học vấn 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị N; có vợ và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 8 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Bình K - Văn phòng Luật sư V, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1967; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1992; địa chỉ: Quảng Nam; vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

5. Ông Lê Quang V, sinh năm 1992; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Hoàng U, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

7. Bà Lê Nguyễn Hoài Vũ L, sinh năm 1993; địa chỉ: thành phố T, Quảng Nam; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Xuân L, sinh năm 1986; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

2. Ông Võ Ngọc Q, sinh năm 1992; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc N là Chuyên viên Phòng Khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Quảng Nam (viết tắt S Quảng Nam) nên quen nhiều khách hàng đến Ngân hàng giao dịch; do đó, N nhiều lần vay tiền của họ và thanh toán đầy đủ nên tạo được lòng tin. Cuối tháng 6 năm 2019, do tiêu xài dẫn đến nợ không có khả năng trả nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách hàng. Lợi dụng vị trí làm việc nên N đưa ra thông tin gian dối là cần vay tiền để đáo hạn cho khách hàng tại S Quảng Nam và hứa sẽ trả lãi cao từ 1.500 đồng đến 2.500 đồng/triệu /ngày và thời hạn vay ngắn từ 01 đến 07 ngày để các khách hàng cũ tin tưởng cho N vay tiền. Sau khi nhận được tiền, N dùng trả nợ, tiêu xài và dùng một phần tiền trả lãi cho các cá nhân để họ tin tưởng tiếp tục cho N vay tiền. Đến hạn trả nợ gốc, N nói dối S Quảng Nam chưa giải ngân kịp để kéo dài thời gian trả nợ gốc; sau đó N không trả tiền và bỏ đi khỏi địa phương.

Với thủ đoạn trên, từ tháng 9/2019 đến ngày 07/01/2020, N đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H 2.550.000.000 đồng (từ ngày 04/11/2019 đến ngày 13/11/2019; chưa trả tiền lãi và gốc); chiếm đoạt của bà Võ Thị Thu T 2.000.000.000 đồng (từ ngày 01/10/2019 đến ngày 29/11/2019; đã trả được 20.000.000 đồng tiền lãi); chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn H 2.390.000.000 đồng (từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019; đã trả được 1.200.000 đồng tiền lãi và 140.000.000 đồng tiền gốc); chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H 340.000.000 đồng (từ ngày 24/9/2019 đến ngày 08/11/2019; đã trả 12.000.000 đồng tiền lãi); chiếm đoạt của ông Lê Quang V 2.000.000.000 đồng (từ cuối tháng 10/2019 đến cuối tháng 11/2019; đã trả 30.000.000 đồng tiền lãi); chiếm đoạt của bà Lê Thị Hoàng U 100.000.000 đồng (ngày 29/11/2019); chiếm đoạt của bà Lê Nguyễn Vũ Hoài L 200.000.000 đồng (ngày 04/10/2019; đã trả 12.000.000 đồng tiền lãi); chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L 00.000.000 đồng (ngày 29/11/2019); tổng số tiền N chiếm đoạt của 8 bị hại là **9.780.000.000** đồng, N đã trả lãi tổng số tiền 75.200.000 đồng, trả gốc 140.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Tuấn H.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HS-ST ngày 29/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1.2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 11 tháng 8 năm 2020). Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc N hành nghề hoặc làm công việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Ngọc N; Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.550.000.000 (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng, bà Võ Thị Thu T số tiền 1.980.000.000 (một tỷ chín trăm tám mươi triệu) đồng, ông Nguyễn Tuấn H số tiền 2.248.800.000 (hai tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 328.000.000 (ba trăm hai mươi tám triệu) đồng, bà Lê Thị Hoàng U số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà Lê Nguyễn Hoài Vũ L số tiền 188.000.000 (một trăm tám mươi tám triệu) đồng và bà Nguyễn Thị L số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Tiếp tục quy trừ số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng gia đình bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000027 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không trả xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án các tài liệu, chứng cứ: 03 (ba) giấy thỏa thuận trả nợ; 15 (mười lăm) giấy mượn tiền; 02 (hai) bì thư EMS; 01 (một) cuốn sổ tay, kích thước 07cm x 10cm, bìa sổ màu đen; 01 (một) sổ phụ tài khoản, gồm 04 tờ giấy A4; 01 (một) bản sao kê dữ liệu tin nhắn Zalo, gồm 16 tờ giấy A4; 01 (một) bản in dữ liệu tin nhắn Viber do Võ Ngọc Q giao nộp; 05 (năm) tấm ảnh màu, kích thước 12,5cm x 18cm.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 115.574.800 (một trăm mười lăm triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 09/12/2021, bị hại Nguyễn Tuấn H kháng cáo cho rằng mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H là nhẹ, đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại Nguyễn Tuấn H có kháng cáo nhưng vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa.

- Bị cáo N và Người bào chữa cho bị cáo N cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N là phù hợp, không nhẹ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1] Nguyễn Ngọc N vì mục đích vụ lợi để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, lợi dụng vị trí làm việc là Chuyên viên Phòng Khách hàng cá nhân - S Quảng Nam đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối với nhiều người là N cần vay tiền làm thủ tục đáo hạn cho khách hàng tại S Quảng Nam và hứa trả lãi cao từ 1.500 đồng/triệu/ngày đến 2.500 đồng/triệu/ngày và vay thời hạn ngắn từ 1 - 7 ngày, để các bị hại tin tưởng cho N vay tiền. Sau khi nhận tiền của các bị hại, N không dùng vào việc đáo hạn Ngân hàng mà đem trả nợ và tiêu xài cá nhân, dẫn đến mất khả năng thanh toán và N bỏ trốn khỏi địa phương. Bằng thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 09/2019 đến tháng 11/2019 N đã chiếm đoạt tổng cộng 9.780.000.000 đồng của 08 bị hại gồm bà Nguyễn Thị H (2.550.000.000 đồng), bà Võ Thị Thu T (2.000.000.000 đồng, trả lãi được 20.000.000 đồng), ông Nguyễn Tuấn H (2.390.000.000 đồng, trả gốc được 140.000.000 đồng và trả lãi được 1.200.000 đồng), ông Lê Quang V (2.000.000.000 đồng, trả lãi được 30.000.000 đồng), bà Nguyễn Thị H (340.000.000 đồng, trả lãi được 12.000.000 đồng), bà Lê Thị Hoàng U (100.000.000 đồng), bà Lê Nguyễn Hoài Vũ L (200.000.000 đồng; trả lãi được 12.000.000 đồng) và Nguyễn Thị L (200.000.000 đồng). Vì có hành vi như trên nên Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Ngọc N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2] Xét kháng cáo của người bị hại Nguyễn Tuấn H cho rằng mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N là nhẹ nên yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo N lợi dụng vị trí làm việc (là Chuyên viên Phòng Khách hàng cá nhân - S Quảng Nam) để lừa dối chiếm đoạt tiền của các bị hại và bị cáo N lừa dối chiếm đoạt tiền nhiều lần mỗi lần trên 2.000.000 đồng; do đó, cấp sơ thẩm áp dụng 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự với N là “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đủ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo N phải chịu, đúng pháp luật.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N lần đầu phạm tội có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và sau khi phạm tội đã tác động gia đình nộp được 20.000.000 đồng khắc phục hậu quả, tại phiên tòa sơ thẩm nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang có con nhỏ; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng.

Về hình phạt xét thấy: khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có mức hình phạt từ 12 năm, 20 năm hoặc tù chung thân với số tiền lừa đảo khởi điểm bị khép vào khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là 500.000.000 đồng; bị cáo N lừa đảo chiếm đoạt của 8 bị hại, tổng số tiền 9.780.000.000 đồng là gấp gần 20 lần mức tiền khởi điểm chiếm đoạt bị khép vào khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; mặt khác bị cáo chỉ bồi thường 20 triệu đồng, nên mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N là nhẹ nên cần chấp nhận kháng cáo của bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo.

[7] Các quyết định khác tại Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 77/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm c, g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 14 (mười bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2020.

Cấm bị cáo Nguyễn Ngọc N hành nghề hoặc làm công việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thì hành kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Phòng HC-TP; lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân